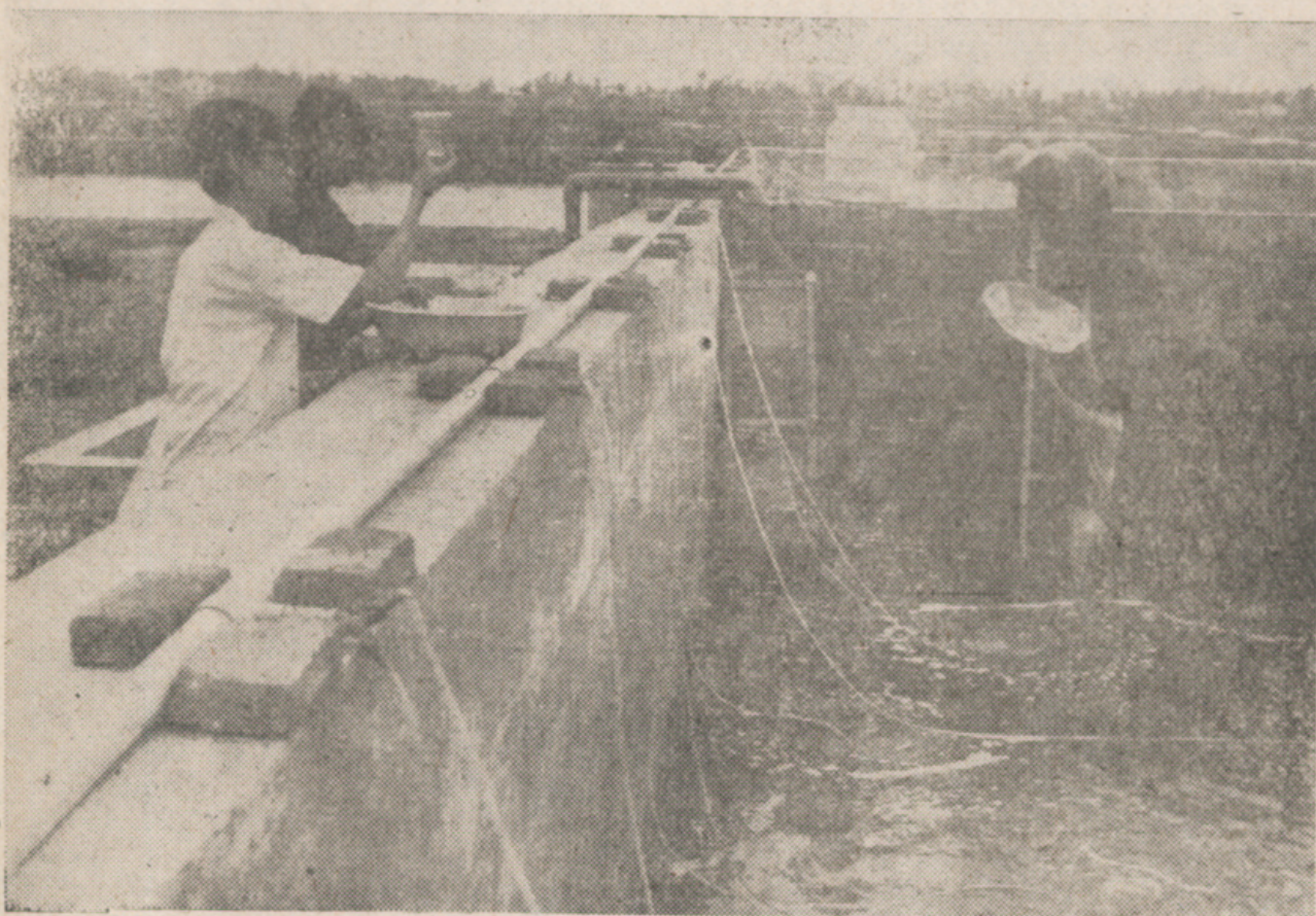


NGUYỄN BÁ PHÁT

Đẩy mạnh ứng dụng TIẾN BỘ KHOA HỌC — KỸ THUẬT TRONG NGÀNH HẢI SẢN*



Cán bộ Viện nghiên cứu nuôi trồng Hải sản theo dõi sự phát triển của ấu trùng tôm he trong bể sản xuất giống tôm nhân tạo. Đây là một tiến bộ khoa học—kỹ thuật quan trọng trong nghề nuôi tôm xuất khẩu.

Ảnh : HÀ VIỆT (TTXVN)

Nước ta có bờ biển dài trên 3 000km, có vùng biển và thềm lục địa rộng trên 1 triệu km²; vùng ven biển có nhiều cửa sông tạo thành một vùng nước lợ rất giàu tôm cá; có khoảng 40 vạn héc-ta eo, vịnh, đầm, phá, bãi triều có khả năng nuôi, trồng hải sản. Điều kiện địa lý thuận lợi, điều kiện khí tượng, thủy văn thích hợp cho sự sinh trưởng và

sinh sản 4 mùa của tôm cá, cho nên ta có khả năng to lớn về nguồn lợi hải sản.

Từ vị trí của biển mà ngành hải sản có khả năng đóng góp nhiều hàng hóa cho xuất

* Trích tham luận của đồng chí Nguyễn Bá Phát, Thứ trưởng Bộ Hải sản tại Hội nghị khoa học—kỹ thuật toàn quốc lần thứ hai — Đầu đề của Tòa soạn.

khẩu, mang lại cho nhân dân ta nguồn đạm động vật trong bữa ăn, góp một phần làm thức ăn cho chăn nuôi, làm nguyên liệu cho một số nhu cầu khác. Đó đó, kinh tế biển được Nhà nước ta xác định là một trong ba thế mạnh của nền kinh tế quốc dân. Với bờ biển dài, ngành hải sản còn nhiều khả năng thu hút hàng mấy chục vạn lao động, góp phần vào việc phân công lao động mới của toàn xã hội. Như đồng chí Lê Duẩn, Tổng Bí thư của Đảng ta, đã nói «...Trong quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, khi xây dựng phương hướng sản xuất và tiến hành phân công lao động mới, chúng ta phải chú trọng đầy đủ đến việc khai thác những khả năng to lớn của biển, làm cho biển góp phần đắc lực vào việc cải thiện đời sống nhân dân và làm giàu cho đất nước...». Cũng như Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã chỉ rõ: «Vùng biển của chúng ta giàu hải sản, và biết bao nguồn lợi thiên nhiên khác chưa lường hết và chưa được khai thác đúng mức, có khả năng thu hút không ít lao động các loại và cung ứng sớm những sản phẩm phong phú và quý giá».

Nhân dân lao động nước ta có truyền thống và kinh nghiệm trong sản xuất trên biển, qua lao động dũng cảm và lâu đời đã tích lũy nhiều kinh nghiệm quý giá.

Phát huy thế mạnh đó, Đại hội lần thứ tư của Đảng đã chỉ rõ: «Khôi phục và phát triển ngư nghiệp, đẩy mạnh đánh bắt, nuôi thủy sản ở các vùng nước mặn, nước lợ và nước ngọt, tăng nhanh lực lượng đánh cá biển và chế biến hải sản của trung ương và của địa phương, tổ chức lại lực lượng đánh cá, xây dựng ngành hải sản nước ta thành một ngành công nghiệp quan trọng, sử dụng hết các mặt nước ao, hồ, sông ngòi, đầm lạch, xây dựng công nghiệp bảo quản và chế biến thủy sản, tiến hành điều tra và nghiên cứu khoa học để nắm chắc các nguồn thủy sản».

..

Từ nhận thức vị trí cách mạng khoa học - kỹ thuật trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, ngành hải sản trong kế hoạch hằng năm của mình đã dành một phần quan trọng cho công tác điều tra cơ bản và rất quan tâm đến kế hoạch ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào thực tế sản xuất.

Về công tác điều tra và thu thập tài liệu từ nhiều nguồn khác nhau, đến nay đã sơ bộ định tính được tiềm năng và khả năng nguồn lợi cá, tôm từ 150m sâu trở vào thuộc vùng kinh tế đặc quyền nước ta, làm cơ sở bước đầu cho công tác quy hoạch và kế hoạch phát triển sản xuất, xây dựng ngành. Đồng thời

cũng rút ra được một số đặc điểm của vùng nước, của nguồn lợi sinh vật phục vụ cho công tác nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và xây dựng cơ cấu nghề nghiệp.

Trong lĩnh vực khai thác hải sản, nét nổi bật hơn cả của ngư dân miền Bắc là việc áp dụng thành công nghề lưới vó, lưới vây kết hợp ánh sáng để đánh bắt một số loài cá nổi ở vùng biển sâu. Thành công này đã cho phép đưa năng suất nghề cá tăng cao. Hiện nay năng suất phổ biến nghề vó từ 100 - 120 tấn/năm so với năng suất các loại nghề lưới rút, mảnh dất v.v... trước đây chỉ đạt 30 - 50 tấn/năm. Huyện Cát Bà (Hải Phòng) có đơn vị lưới vó đạt sản lượng trên 500 tấn/năm.

Thành công của tỉnh Bình Trị Thiên trong năm 1977, đưa nghề lưới vó cho các tàu thuyền cơ giới vùng Thừa Thiên cũ làm tăng rõ rệt năng suất nghề nghiệp, góp phần tích cực cho việc tổ chức lại sản xuất và cải tạo quan hệ sản xuất.

Nghề lưới vây rút chỉ kết hợp ánh sáng còn có ưu thế hơn lưới vó, có khả năng đánh bắt ở vùng nước sâu hơn, trong điều kiện sóng gió lớn hơn; vì thế so với lưới vó, thời gian sản xuất trong 1 năm tăng lên 80 ngày, năng suất một đơn vị nghề lưới vây tăng hơn lưới vó 40 - 50%.

Nếu trong vòng vài năm sắp tới, ngành hải sản tổ chức tốt việc ứng dụng hai loại nghề tiên bộ này vào các tỉnh, nhất là các tỉnh miền Nam, nơi có nguồn lợi cá nổi phong phú, với dự kiến 600 vàng lưới vó và 300 vàng lưới vây, thì nhất định sẽ đưa lại một sản lượng đáng kể.

Ngư dân các tỉnh miền Nam có nhiều kinh nghiệm trong việc sử dụng tàu, thuyền cỡ nhỏ đánh lưới rê rất dài và ở vùng biển sâu, khai thác các loài cá có giá trị kinh tế cao, đạt năng suất lao động trên 15 tấn/năm. Nếu chúng ta làm tốt việc áp dụng các kinh nghiệm và kỹ thuật đánh bắt đó ở các vùng biển trong cả nước, thì rõ ràng, ngoài phần xuất khẩu, trong bữa ăn hàng ngày của nhân dân sẽ có thêm cá thu, cá ngừ v.v... mà bấy lâu nay khan hiếm vì nghề lưới rê đã bị mai một. Chúng ta đã nghiên cứu và ứng dụng kỹ thuật đánh đêm nhiều lưới, có điều kiện đưa năng suất mẻ lưới tăng lên từ 17 - 25%. Ở một vùng biển tương đối nhiều tôm từ Đồng Nai đến Minh Hải, Kiên Giang nếu áp dụng một cách có kế hoạch và phổ biến kỹ thuật tiên tiến này, nhất định ta có khả năng khai thác thêm nhiều tôm cho xuất khẩu.

Qua nhiều năm nghiên cứu, hiện nay ở nhiều nơi đã áp dụng một số công thức kiếm nghề theo mùa vụ hợp lý, làm tăng năng

suất rõ rệt. Ở Quảng Ninh, áp dụng công thức lưới kéo đôi kiêm nghề vẩy ánh sáng đã làm tăng sản lượng hàng trăm tấn so với cách đánh bắt độc nghề. Gần đây ở Quảng Nam - Đà Nẵng cũng áp dụng một công thức kiêm nghề hợp lý trên đội tàu 30 - 45 cv đánh lưới kéo đôi kiêm lưới chuồn vào các thảng mà năng suất lưới kéo thấp, cách làm này đã làm tăng 20 - 40 tấn/năm cho đội tàu. Có nơi đã áp dụng cách đánh lưới kéo cá kiêm kéo tôm theo mùa, vụ.

Trong lĩnh vực nuôi, trồng thủy sản, với điều kiện hiện nay, điều quan tâm hơn cả là lấy được nhiều giống tôm, cá thiên nhiên vào đầm nước lợ theo đúng quy trình, loại trừ các loài cá dữ, cá tạp nhằm tăng mật độ tôm, cá trên một đơn vị diện tích mặt nước. Đi đôi với việc lấy giống, phải thực hiện đúng quy trình nuôi, thực hiện việc nuôi ghép rô phi, trắm cỏ v.v... ở nước lợ. Tổ chức tốt việc chăm sóc, giải quyết một phần thức ăn, giữ nước tốt, đê, cống đúng kỹ thuật v.v... thì có thể đưa năng suất bình quân lên 50kg trên 1ha với diện tích rộng trên 28000 ha ao, đầm có đê, cống hiện nay. Kỹ thuật cho tôm đẻ nhân tạo và gây nuôi bằng thức ăn tự nhiên cho ấu trùng tôm cũng có nhiều hứa hẹn để tăng mật độ tôm giống cho các ao, đầm, nâng cao năng suất.

Việc mở rộng những vùng trồng rau câu có sản lượng cao (10 tấn/ha) nhằm tạo thể ổn định và chủ động về nguyên liệu cho nhà máy sản xuất aga 50 tấn/năm, đòi hỏi nhân nhanh những kết quả đã đạt được ra các khu vực có điều kiện như Hải Phòng, Hà Nam Ninh, Thanh Hóa, Bình Trị Thiên, Nghĩa Bình, Phú Khánh, Kiên Giang. Làm được như thế chúng ta sẽ nhanh chóng thỏa mãn nhu cầu aga trong nước, hàng năm có thể xuất khẩu một lượng aga lớn.

Trong lĩnh vực bảo quản và chế biến hải sản, cũng có nhiều thành tựu đáng kể. Trước hết là việc sản xuất thành công các mặt hàng hải sản đông lạnh xuất khẩu mang nhãn hiệu Việt Nam trên thị trường quốc tế. Yêu cầu xuất khẩu ngày càng cao, chất lượng và kỹ thuật sản xuất hàng xuất khẩu ngày càng đòi hỏi nghiêm ngặt, việc chấp hành nghiêm túc các quy trình, chế biến, tổ chức huấn luyện, nâng cao tay nghề cho công nhân thương xuyên, đảm bảo bao bì đẹp, bền và hợp thị hiếu v.v... cũng đã có thể tăng giá trị hàng xuất khẩu lên vài chục phần trăm.

Nếu chúng ta áp dụng các quy trình bảo quản cá bằng dung dịch hypochlorit canxi $\text{Ca}(\text{OCl})_2$ hoặc bằng nước đá (từ nước biển) và các hóa chất sunfit natri, axit axetic ngay sau khi đánh bắt tôm lên khỏi mặt nước, thì

rõ ràng chất lượng và số lượng tôm, cá cho xuất khẩu, cho ăn tươi tăng lên rõ rệt.

Đối với ngành sản xuất nước mắm thủ công cổ truyền, hiện nay chúng ta đã áp dụng một phần cơ giới. Kết quả sản xuất ở một số cơ sở cho thấy chỉ số thu hồi đạm tăng, giá thành sản phẩm giảm. Do giảm thời gian chín của chượp mà có thể giảm vốn đầu tư xây dựng thùng, bể và trang bị xí nghiệp, giảm diện tích xây cất. Từ đó, vòng quay vốn trong năm gấp 3-4 lần. Đưa một phần cơ giới vào sản xuất đã giảm nhẹ cường độ lao động cực nhọc, hồi hám cho công nhân. Dự kiến đến năm 1980, ngành hải sản sẽ đưa quy trình sản xuất này áp dụng cho các địa phương Thái Bình, Hải Phòng, Hà Nam Ninh, Thanh Hóa, Quảng Nam - Đà Nẵng và một số nơi khác, đưa lượng nước mắm sản xuất theo phương pháp này chiếm khoảng 2/3 tổng sản lượng nước mắm mà kế hoạch 5 năm lần thứ hai đề ra. Ta vẫn cần tiếp tục nghiên cứu thêm hương vị và nâng cao chất lượng nước mắm. Kỹ thuật chế biến thức ăn cho gà, lợn bằng bã, xác mắm đã đáp ứng kỹ thuật nuôi gà công nghiệp lớn nhanh, đẻ trứng ít bị vỡ.

Thành công trong việc chiết xuất aginat natri từ rong mơ để sử dụng vào việc in hoa, hồ vãi, làm keo dán gỗ v.v... cũng đang được ngành dệt ủng hộ, giảm bớt ngoại tệ để nhập loại hóa chất hữu cơ này.

Ngoài ra, trong lĩnh vực chế biến hải sản, cần đặc biệt nhấn mạnh việc áp dụng các quy trình kỹ thuật và tiêu chuẩn do ngành đã ban hành, tạo điều kiện bảo đảm chất lượng sản phẩm, tăng giá trị hàng hóa, ổn định sản xuất.

Cơ giới hóa là một yêu cầu cấp bách của ngành hải sản, và vừa qua, cũng chính nhờ cơ giới hóa được một phần mà nhiều đơn vị sản xuất đã có những biến đổi lớn về năng suất lao động.

Ngư dân ta đã bắt đầu sử dụng máy thăm dò cá (loại xách tay) vào quá trình đánh cá kết hợp ánh sáng đem lại hiệu quả rõ rệt, giảm thời gian đốt đèn dụ cá, giảm chi phí nhiên liệu, và nhờ sử dụng máy thăm dò, ngư dân đã sớm xác định vùng có cá trước khi đốt đèn. Do đó, tăng thêm mẻ lưới trong một đêm, năng suất đánh bắt tăng lên 20-30% so với tàu, thuyền chưa trang bị máy dò cá.

Đến năm 1980 đạt 1 triệu tấn hải sản, ngoài việc huy động tốt tiềm năng hiện có, việc tăng thêm tàu, thuyền là rất cần thiết.

Vật liệu đóng tàu, thuyền truyền thống như thép, gỗ rất khan hiếm, giá đắt. Mấy năm qua ngành hải sản đã nghiên cứu thành công sử dụng vật liệu mới, dùng xi măng lưới thép để đóng tàu đánh cá cỡ nhỏ. Đây là một hướng tốt, vì một mặt, giải quyết khó khăn

về thép, gỗ; mặt khác, sử dụng tàu ximăng lưới thép lại thuận lợi, hợp với trình độ và điều kiện sông nước của ta.

Đề giải quyết khó khăn về phụ tùng, ngành hải sản đã thành công bước đầu trong việc chế tạo phụ tùng cho các loại tàu 250 cv. Thành công này đã góp phần sửa chữa và giải phóng tàu nhanh phục vụ sản xuất, mở ra triển vọng chế tạo phụ tùng cho các cỡ máy khác dùng trong ngành hải sản.

Nhưng nhìn chung, các kết quả nghiên cứu khoa học, kỹ thuật còn nằm trong phạm vi sản xuất nhỏ, kinh nghiệm rút ra từ thực hành là chủ yếu, cơ sở khoa học chứng minh còn nghèo nàn và chắp vá, công tác khoa học, kỹ thuật của ngành còn mới mẻ... Cách mạng khoa học - kỹ thuật chưa thật sự biến thành sự nghiệp của quần chúng nhân dân làm nghề cá, một phần do trình độ tổ chức, trình độ văn hóa, địa bàn hoạt động... có những nét đặc thù, khó khăn riêng mà ngành đang tích cực nghiên cứu giải quyết; mặt khác, hệ thống tổ chức quần chúng làm khoa học, kỹ thuật chưa được hình thành chưa trở thành hoạt động tự giác của mọi người.

Ngành hải sản dự kiến trong thời gian 1978 - 1980 đưa công tác ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất với quy mô rộng, với yêu cầu cao. Tập trung và huy động các cơ sở nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, trường đại học và trung học, các xí nghiệp trung ương, các sở, ty thủy sản... để một mặt, vừa mở rộng công tác điều tra, nghiên cứu, sớm hoàn thiện các quy trình, tiêu chuẩn, định mức; mặt khác, vừa tổ chức nghiên cứu triển khai, ứng dụng trong phạm vi nhỏ để bổ sung, điều chỉnh, tạo điều kiện hoàn thiện các quy trình, tiêu chuẩn để có thể đưa ra áp dụng rộng rãi trong ngành.

Ngành phấn đấu đến năm 1980: cố gắng tiêu chuẩn hóa và xây dựng các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, các quy trình công nghệ cho những sản phẩm, mặt hàng chủ yếu, các công cụ và vật liệu chính sử dụng trong nghề cá, tạo ra tiền đề cho việc quản lý kinh tế sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, tổ chức tốt việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm cấp Nhà nước và cấp ngành, làm cơ sở cho công tác quản lý chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng và có hiệu quả kinh tế.

Ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật sẽ mang lại hiệu quả là năng suất lao động tăng, giá thành sản phẩm hạ, chất lượng sản phẩm tăng, điều kiện làm việc của người lao động được cải thiện... Tuy nhiên, không phải bất

kỷ tiến bộ khoa học - kỹ thuật nào cũng đưa lại hiệu quả một cách toàn diện và ngay trong những tháng đầu, năm đầu, và được áp dụng thông suốt ở tất cả các cơ sở. Vì vậy, cần sớm xây dựng các chế độ nhằm khuyến khích việc áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật nhằm bù lại một số hao hụt ban đầu có thể có khi ứng dụng chưa thuần thục hoặc phải đầu tư vốn khá lớn. Cụ thể, đối với mỗi tiến bộ khoa học - kỹ thuật muốn áp dụng vào địa phương hoặc cơ sở sản xuất, trước hết cần phải trang bị cho các sở, ty và cán bộ kỹ thuật của họ một số phương diện và kinh phí cần thiết để bản thân họ tổ chức thực nghiệm có kết quả, tích lũy được kinh nghiệm, xác định rõ các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật thì các sở, ty, địa phương mới có khả năng chỉ đạo ứng dụng, phát triển đại trà; đồng thời các cơ quan nghiên cứu (viện, trường...) cần phải cử cán bộ kỹ thuật chuyên trách đến trực tiếp hướng dẫn, hoặc bồi dưỡng cho cán bộ kỹ thuật địa phương, cơ sở thông qua việc làm thực tế.

Cần khen thưởng thích đáng và có chế độ đãi ngộ đúng mức với công tác ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, công tác nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, với những người có nhiều sáng kiến phát minh, những người có kỹ thuật giỏi trong sản xuất; cần có chế độ sử dụng tốt các « chuyên gia » nhân dân. Mặt khác, công tác huấn luyện, phổ biến kiến thức, tổng kết và thông tin khoa học, kỹ thuật là rất cần thiết. Điều quan trọng là phải tăng cường và chấn chỉnh hệ thống cơ sở nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, xây dựng mạng lưới khoa học, kỹ thuật toàn ngành từ trung ương đến các địa phương (quản lý nghiên cứu, quản lý kỹ thuật...). Phải tăng cường thiết bị, phương tiện và cán bộ khoa học, kỹ thuật cho ngành hải sản, trước mắt phải giải quyết phương tiện chỉ đạo, chỉ huy trên biển cho các ty, sở, đồng thời ngành hải sản phải chủ động kết hợp với các ngành khác nhằm tạo nên sức mạnh tổng hợp. Bản thân khoa học, kỹ thuật hải sản mang tính chất tổng hợp, sử dụng kết quả của nhiều ngành khoa học, kỹ thuật khác. Do đó sự cộng tác với các ngành, các trường đại học và viện nghiên cứu sẽ góp phần giải quyết tốt hơn những nhiệm vụ mà Đại hội IV đã giao cho ngành hải sản. Để thực hiện điều đó, ngành hải sản chính thức đề nghị:

- Viện Khoa học Việt Nam phối hợp tổ chức nghiên cứu các vấn đề về sinh vật học, vật lý hải dương, hóa học hải dương v.v... nhằm giúp vào việc đánh giá nguồn lợi biển toàn diện, phát hiện và xác định các quy luật vận động của nước biển, của các giống, loài cá, tôm chủ yếu. Về lâu dài, đề nghị Viện phối hợp với ngành hải sản nghiên cứu các biện

pháp chủ động tập trung cá, tôm để đánh bắt có năng suất cao, ban đêm cũng như ban ngày.

Đây là hướng nghiên cứu khoa học chủ yếu đối với kỹ thuật khai thác cá biển hiện nay, vì biển nước ta ở vùng nhiệt đới, cá tôm của biển nước ta mang tính chất « rộng nhiệt » và « rộng muối » sống phân tán khắp nơi, mật độ đàn thường rất thưa, nên năng suất mẻ lưới thấp.

Về nuôi trồng, đề nghị Viện Khoa học Việt Nam giúp đỡ và hướng dẫn ngành hải sản các hướng nghiên cứu cơ bản để giải quyết nhanh chóng việc sản xuất giống nhân tạo, mà trọng tâm trước mắt là tôm he, cá đối.

— Các viện và đơn vị quân đội, nhất là hải quân, phối hợp và giúp đỡ nghiên cứu, theo dõi quá trình hoạt động các đàn cá kinh tế và các mối liên quan của chúng với môi trường, trọng tâm là hải lưu (thông qua phương tiện tàu ngầm và máy bay).

— Tổng cục Khí tượng — Thủy văn giúp ngành hải sản nghiên cứu xác định mối quan hệ giữa các yếu tố khí tượng — thủy văn và biến động môi trường nước phục vụ cho việc dự báo cá, xác định các vùng cá tập trung.

— Trường đại học Bách khoa và Bộ Cơ khí-luyện kim phối hợp giúp đỡ khâu chế tạo phụ tùng máy thủy và các máy sản xuất khác của ngành như máy lạnh, máy điện, máy dệt lưới v.v...

— Viện nghiên cứu Kinh tế giúp nghiên cứu các vấn đề về quy hoạch, phân vùng, tổ chức sản xuất, các vấn đề về quản lý nghề cá trên địa bàn huyện, tỉnh.

— Tổng cục Hóa chất, Viện công nghiệp Thực phẩm, các Trường đại học Tổng hợp, Y, Dược... hợp tác nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến kỹ thuật bảo quản, chế biến và lợi dụng tổng hợp nguồn lợi biển.

— Bộ Nông nghiệp, Bộ Lâm nghiệp, Bộ Thủy lợi phối hợp nghiên cứu quy hoạch các vùng nuôi thủy sản, vùng sản xuất cá, tôm giống hợp lý, nghiên cứu quy hoạch vùng đất trồng rừng và vùng nuôi hải sản phù hợp nhất.

— Bộ Văn hóa và thông tin quan tâm nhiều hơn nữa đối với công tác tư tưởng và văn hóa của nhân dân vùng biển, tạo điều kiện cho cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật tiến hành thuận lợi.

Một số vấn đề về cách mạng quan hệ sản xuất...

(Tiếp theo trang 31)

Nói đến kết hợp cách mạng và khoa học là nói đến cán bộ khoa học cách mạng với yêu cầu số lượng đủ, chất lượng cao. Muốn vậy, phải tích cực đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật của ta hiện có, từ trung ương đến cơ sở. Nói chung anh chị em tốt, có khả năng, nếu biết sử dụng tốt sẽ phát huy được năng lực của mình, phát huy năng lực hiện có lên gấp bội, sẽ đóng góp được vào phong trào cải tiến kỹ thuật nông nghiệp rất lớn và cấp bách hiện nay.

Đối với các đồng chí cấp ủy ở tỉnh, huyện và cơ sở, cần sử dụng tốt đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cần giao trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng cho anh chị em, giao cho anh chị em đảm nhận những công tác kỹ thuật và tạo điều kiện cần thiết cho anh chị em

hoàn thành nhiệm vụ, tạo điều kiện cho anh chị em đi sát thực tế, sát cơ sở sản xuất và phong trào cách mạng của quần chúng. Không cần và không nên bao biện làm thay; bồi dưỡng cho anh chị em trưởng thành ở cơ sở, ở huyện, hình thành từng bước hệ thống quản lý kỹ thuật chặt chẽ từ tỉnh, huyện đến cơ sở, hoạt động đều đặn dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền.

..

Là người làm công tác nông nghiệp, tôi rất phấn khởi về Hội nghị khoa học — kỹ thuật phục vụ nông nghiệp lần này.

Tôi đã phát biểu ý kiến với các đồng chí với tất cả nhiệt tình của tôi.

Xin chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.